

Thứ tư, ngày 26 tháng 6 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/6/2019		•	
Tuần 24/6-28/6/2019		•	
Tháng 6/2019		•	

Điểm nhấn

- VN-Index tăng trong phiên sáng. Trong phiên chiều, chỉ số quay đầu giảm điểm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm GAS (+0.68 điểm); MSN (+0.52 điểm); VIC (+0.5 điểm); BID (+0.41 điểm); NVL (+0.39 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VCB (-2.09 điểm); VHM (-0.5 điểm); TCB (-0.36 điểm); HVN (-0.27 điểm); CTG (-0.17 điểm).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2,587.8 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 4.32 điểm. Thị trường có 143 mã tăng và 151 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 1 điểm, đóng cửa tại 959.13 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.2 điểm xuống 103.95 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 159.05 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (36.72 tỷ), VHM (20.82 tỷ) và BID (20.25 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã mua ròng 9.26 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng điểm do lực mua tập trung ở các cổ phiếu bluechips GAS, BID, MSN, PLX. Trong phiên chiều, VN-Index giảm điểm và đóng cửa ở mức 959.13 điểm do lực bán tiếp tục tăng ở các cổ phiếu VCB, VHM, TCB cùng với việc CTG quay đầu giảm điểm. Khối ngoại mua ròng trên sàn HOSE. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh do tâm lý chốt lời cùng với thanh khoản ở mức thấp cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước những công bố của chủ tịch FED đã làm hạ kỳ vọng giảm lãi suất. Cuộc họp bên lề G20 giữa Trung-Mỹ cuối tuần này sẽ ảnh hưởng lớn tới sự biến động của thị trường trong những ngày tới.

Phân tích kỹ thuật:

TNG_Bứt phá vượt đỉnh

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **959.13**

Giá trị: 2587.78 tỷ **-1 (-0.1%)**

Khối ngoại (ròng): 159.05 tỷ

HNX-INDEX **103.95**

Giá trị: 287.23 tỷ **-0.2 (-0.19%)**

Khối ngoại (ròng): 9.26 tỷ

UPCOM-INDEX **55.39**

Giá trị: 299.52 tỷ **0.19 (0.34%)**

Khối ngoại(ròng): 55.39 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.9	1.82%
Giá vàng	1,407	-1.13%
Tỷ giá USD/VND	23,317	0.08%
Tỷ giá EUR/VND	26,457	-0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,646	-0.40%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	8.08%
LS TPCP 5 năm	4.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	36.7	VNM	15.8
VHM	20.8	YEG	13.0
BID	20.3	VCB	8.6
BVH	18.8	HPG	8.6
MSN	16.2	DPM	5.4

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Cổ phiếu lớn	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
iBroker	Trang 6
iINVEST	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

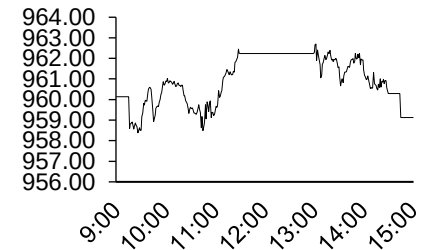
Dữ liệu chưa được cập nhật

Đăng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

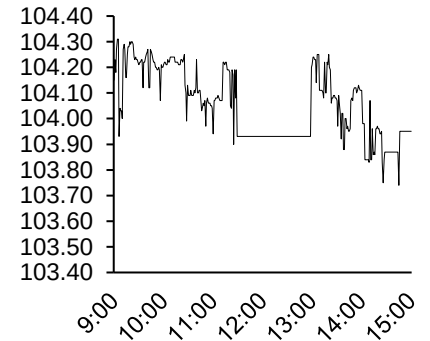
Phân tích kỹ thuật

TNG_Bứt phá vượt đỉnh

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: bứt phá trong ngắn hạn và giữ xu thế tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: xu hướng tăng, ở trên đường trung tâm và trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng quá mua
- Đường MA: tất cả các đường MA có xu hướng tăng trừ MA 20 và MA 50 đi ngang.

Nhận định: Cổ phiếu TNG bứt phá vượt đỉnh tháng 3 với vùng giá vượt kênh Bollinger Band trên. Chỉ báo RSI nằm trong vùng quá mua ủng hộ trạng thái bứt phá ngắn hạn. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy vùng giá của TNG sẽ có khả năng tiếp tục tích lũy và tăng ở các phiên tiếp theo. Vận động của các đường MA duy trì xu hướng tăng trừ MA 20 và MA 50 đi ngang cùng thanh khoản tăng mạnh. Do vậy TNG sẽ tiếp tục xu hướng bứt phá ngắn hạn và tiếp tục xu hướng tăng trong trung hạn. Ngưỡng kháng cự của TNG là 21.47, ngưỡng hỗ trợ tại 19.18 và 18.76.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1907	872.6	-0.3%	-15.8%
VN30F1908	878.0	-0.1%	-13.1%
VN30F1909	879.4	-0.2%	-44.4%
VN30F1912	881.0	-0.2%	-35.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	86	1.8	1.0
NVL	60	2.4	0.7
MWG	93	1.1	0.4
VIC	117	0.4	0.3
GAS	105	1.2	0.2

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20	-2	-1.1
VCB	71	-3	-0.8
VPB	19	-1	-0.5
HPG	23	-1	-0.5
MBB	21	-1	-0.5



Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	92.8	1.1%	0.7	1,787	3.1	7,159	13.0	4.1	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	72.8	0.1%	1.0	705	0.8	4,802	15.2	4.0	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	80.8	0.9%	1.3	2,462	1.7	1,622	49.8	3.7	25.5%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	36.8	-0.3%	0.7	370	0.1	2,459	15.0	1.2	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	116.9	0.4%	1.1	17,006	2.6	1,303	89.7	6.6	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	34.4	0.1%	1.1	3,478	1.4	1,033	33.3	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.9	2.4%	0.8	2,423	1.4	3,686	16.2	2.8	7.1%	20.8%
REE	Bất động sản	32.0	0.8%	1.1	431	0.8	5,659	5.7	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.7	-0.8%	1.5	284	0.5	3,364	5.6	1.3	47.6%	25.1%
SSI	Chứng khoán	24.8	-0.2%	1.3	549	1.2	2,169	11.4	1.4	58.8%	11.9%
VCI	Chứng khoán	30.7	-4.1%	1.0	218	0.1	5,067	6.1	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.5	-1.3%	1.5	312	0.2	2,009	11.7	1.0	56.0%	14.1%
FPT	Công nghệ	46.2	-0.8%	0.9	1,361	2.0	4,061	11.4	2.4	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	39.6	0.3%	0.4	428	0.0	3,778	10.5	2.6	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	104.7	1.2%	1.5	8,713	0.7	6,092	17.2	4.5	3.6%	27.0%
PLX	Dầu khí	62.8	1.5%	1.5	3,197	0.8	3,412	18.4	3.3	11.6%	18.2%
PVS	Dầu khí	23.4	0.9%	1.7	486	3.0	2,433	9.6	0.9	24.6%	10.1%
BSR	Dầu khí	12.7	-0.8%	0.8	1,712	0.7	1,163	10.9	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	106.2	1.1%	0.5	604	0.0	4,199	25.3	4.6	54.2%	19.0%
DPM	Hóa chất	15.7	-2.8%	0.7	266	1.0	1,289	12.1	0.8	22.6%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.4%	0.7	186	0.1	978	8.3	0.7	2.7%	8.4%
VCB	Ngân hàng	70.5	-2.6%	1.3	11,369	2.9	4,367	16.1	3.6	23.8%	24.5%
BID	Ngân hàng	32.5	1.2%	1.5	4,831	1.5	2,150	15.1	2.1	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	20.9	-0.7%	1.6	3,383	2.9	1,481	14.1	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	19.2	-1.0%	1.2	2,051	1.0	2,705	7.1	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	20.9	-1.2%	1.2	1,916	2.5	2,994	7.0	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	29.0	-0.7%	1.1	1,573	0.5	4,297	6.7	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	43.0	-0.7%	0.9	153	0.1	5,279	8.1	1.4	74.4%	17.0%
NTP	Nhựa	34.8	-0.3%	0.3	135	0.0	4,066	8.6	1.3	21.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	19.0	5.0%	1.2	743	0.1	732	26.0	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.9	-0.9%	1.0	2,749	1.9	2,956	7.7	1.5	39.4%	21.4%
HSG	Thép	7.5	-0.9%	1.5	138	1.0	251	30.0	0.6	17.1%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.5	0.1%	0.7	9,351	2.7	5,349	23.1	7.6	59.3%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	282.0	0.1%	0.8	7,863	0.2	6,479	43.5	11.2	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	85.5	1.8%	1.2	4,324	1.0	4,545	18.8	3.3	40.6%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.2	0.0%	0.6	392	0.9	752	22.8	1.5	8.6%	6.1%
ACV	Vận tải	85.1	0.1%	0.8	8,055	0.6	2,630	32.4	6.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	124.2	0.2%	1.1	2,925	3.7	9,850	12.6	4.8	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	41.6	-1.5%	1.7	2,562	2.1	1,747	23.8	3.3	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.4	1.7%	0.8	341	0.4	2,245	11.8	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.4	0.9%	0.7	200	0.1	2,387	6.9	1.2	32.6%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.0	0.3%	0.9	416	0.2	6,806	9.0	3.2	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	-1.9%	0.8	400	0.9	1,385	14.8	1.4	12.4%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	1.3%	0.8	266	0.1	1,744	9.2	1.2	6.3%	12.6%
CTD	Xây dựng	102.4	0.4%	0.8	340	0.5	17,122	6.0	1.0	46.0%	16.9%
VCG	Xây dựng	26.5	-1.1%	1.2	509	0.8	1,106	24.0	1.8	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	22.5	-0.2%	0.5	242	0.2	337	66.7	1.1	53.5%	1.7%
POW	Điện	14.8	-0.3%	0.6	1,507	0.6	820	18.0	1.4	16.2%	7.8%
NT2	Điện	26.9	-0.4%	0.6	337	0.2	2,446	11.0	2.0	22.6%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	104.70	1.16	0.68	150000.00
MSN	85.50	1.79	0.52	273640.00
VIC	116.90	0.43	0.50	515020.00
BID	32.50	1.25	0.41	1.05MLN
NVL	59.90	2.39	0.39	538680.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	23.40	0.86	0.05	2.94MLN
TNG	20.70	5.08	0.05	2.23MLN
DBC	22.00	2.33	0.03	58400.00
VHL	36.00	9.09	0.03	15000.00
NTH	37.50	9.97	0.02	400.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	70.50	-2.62	-2.09	918850.00
VHM	79.00	-0.63	-0.50	1.17MLN
TCB	20.40	-1.69	-0.36	1.84MLN
HVN	41.55	-1.54	-0.27	1.14MLN
CTG	20.90	-0.71	-0.17	3.11MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.00	-0.68	-0.26	389000.00
SHB	6.90	-1.43	-0.11	1.98MLN
HUT	2.40	-7.69	-0.04	2.12MLN
SJE	27.00	-6.90	-0.03	300.00
VCG	26.50	-1.12	-0.02	663500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	37.50	6.99	0.01	10.00
LM8	18.45	6.96	0.00	20.00
MDG	11.55	6.94	0.00	9000.00
CMX	23.20	6.91	0.01	84310.00
VNL	17.80	6.91	0.00	530.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.60	20.00	0.00	44400.00
PHN	22.00	10.00	0.01	2100.00
VNF	23.10	10.00	0.01	100.00
VNT	34.10	10.00	0.01	100.00
NTH	37.50	9.97	0.02	400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	16.05	-6.96	-0.01	1400.00
PNC	12.10	-6.92	0.00	10.00
TDH	10.10	-6.33	-0.02	647880.00
STG	12.65	-6.30	-0.03	2110.00
FCN	14.55	-6.13	-0.03	1.26MLN

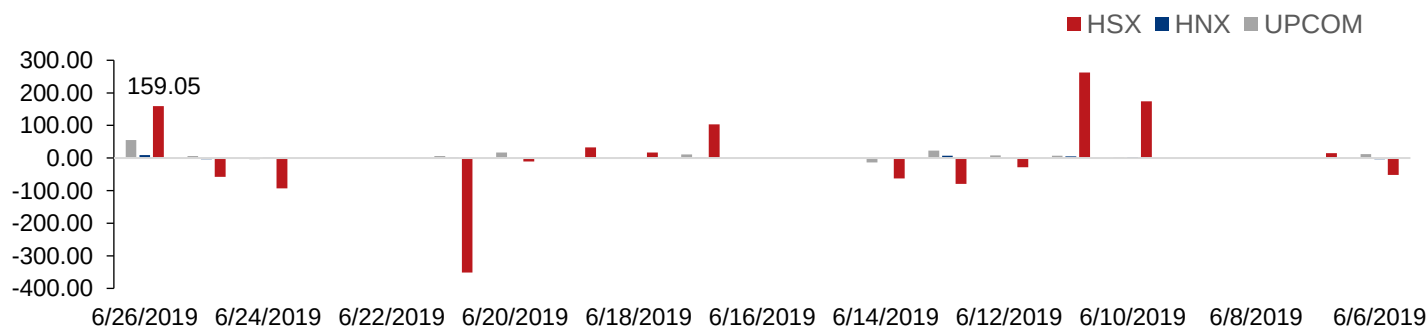
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HLY	35.60	-9.87	0.00	200.00
DIH	14.00	-9.68	0.00	900.00
TV4	19.80	-9.59	-0.01	63000.00
PPP	10.20	-9.52	0.00	600.00
PRC	10.50	-9.48	0.00	5000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.7	3,364	5.6	1.3	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	102.4	17,122	6.0	1.0	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	27.9	5,748	4.9	1.4	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.4	2,387	6.9	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	29.0	4,297	6.7	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	20.4	2,430	8.4	1.3	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.4	2,245	11.8	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.2	752	22.8	1.5	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	57.9	4,852	11.9	2.9	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	85.5	4,545	18.8	3.3	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	20.8	2,862	7.3	1.1	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	32.1	6,952	4.6	1.9	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	16.1	1,744	9.2	1.2	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	36.8	2,459	15.0	1.2	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	15.3	2,807	5.4	1.1	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	46.2	4,061	11.4	2.4	Click	
17	BCC	Xi măng	Mua	16/05/2019	9.1	11.2	8.4	1,113	7.6	0.5	Click	
18	VHC	Thủy sản	Mua	14/05/2019	91.5	108.6	88.5	17,884	4.9	1.9	Click	
19	DRC	Cao su	Theo dõi	14/05/2019	22.3	25.2	18.7	1,154	16.2	1.4	Click	
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	08/05/2019	20.8	21.0	20.7	3,307	6.3	1.5	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
FRT 2019Q2	20/6/2019	FRT đặt kế hoạch DT và LN năm 2019 lần lượt là 17,700 tỷ (+16% YoY) và 418 tỷ (+20% YoY). Trong đó, DT chuỗi FPT – Shop và F -Studio dự kiến đạt 11,825 tỷ (+5% YoY); DT Online dự kiến đạt 3,500 tỷ (+44% YoY); DT Chương trình F – Friends và Subsidy dự kiến đạt 1,875 tỷ (+18.8% YoY) và DT từ chuỗi Long Châu là 500 tỷ (+30.2% YoY). EPS FW 2019 là 6,147 VND/cp, PE FW là 8.13.
VIB 2019Q2	19/6/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 21597; Giá tại Publish 16400. EPS 3307; PE 5.9x; PB 1x. BSC điều chỉnh dự báo VIB lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 7,606 tỷ VND (+25% yoy) và 3,250 tỷ VND (+18.5% yoy) với giả định (1) tăng trưởng tín dụng đạt mức 34% trong năm 2019 do VIB đã hoàn thành Basel II trước thời hạn và được hưởng cơ chế tăng trưởng tín dụng mới, (2) TTS +31.8% yoy, cho vay +35.3% yoy, huy động +46.6% yoy, (3) NIM = 3.95%, tăng 13 bps nhờ việc tiếp tục tập trung cơ cấu các khoản vay lãi suất cao hơn, (4) NPL = 2%, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 40%.
DRC 2019Q2	18/6/2019	BSC dự báo, năm 2019, DTT và LNST của DRC lần lượt đạt 3,624 tỷ VND (+2.1% yoy) và 141 tỷ VND (+0% yoy), tương đương EPS 2019 là 1,068 VND/cp (P/E F 2019 = 20.9x, thấp hơn so với trung bình ngành Việt Nam hiện tại là 25x). Dựa báo này dựa trên giả định (1) sản lượng tiêu thụ lốp bias giảm 5% so với năm 2018, sản lượng lốp Radial = 400,000 lốp (+6.5% yoy), (2) giá bán các loại sảm lốp không thay đổi, (3) giá cao su tự nhiên không đổi, giá cao su nhân tạo +5% yoy, giá hóa chất và than đen +10% yoy.
ACB 2019Q2	11/6/2019	BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Hàng tiêu dùng	1.78%	2.24%	-2.55%	2.27%	10.62%	5.78%	59.02%	237.05%
Chiến tranh thương mại	1.62%	0.16%	-1.11%	0.59%	9.86%	16.31%	23.50%	146.94%
Dầu khí	0.90%	2.00%	-2.90%	4.12%	18.77%	18.51%	19.27%	-3.32%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.56%	0.29%	-3.16%	-4.43%	0.22%	-9.12%	13.12%	197.01%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.77%	1.25%	-1.08%	-3.24%	3.11%	-3.39%	66.53%	94.82%
Ngân hàng	-0.92%	1.64%	-1.08%	-6.34%	2.15%	-11.47%	59.43%	114.90%
* Note	Danh mục Hàng tiêu dùng có mức tăng giá mạnh 1.78%, đi ngược với xu hướng chung điều chỉnh của thị trường, trong 5 năm qua danh mục này có mức tăng giá ấn tượng 237.05%. Trong khi đó, danh mục Ngân hàng giảm giá ngày nhẹ -0.92%.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 3	0.91%	1.23%	-3.03%	-3.66%	4.84%	-5.84%	30.19%	117.87%
Danh mục 18	0.70%	2.33%	-3.87%	-1.02%	15.81%	14.01%	110.99%	239.80%
Danh mục 12	0.67%	2.18%	-4.01%	-1.46%	15.34%	13.08%	119.96%	260.78%
Danh mục 13	-0.64%	0.57%	-2.95%	-2.91%	3.03%	-1.37%	35.68%	128.53%
Danh mục 8	-0.72%	0.68%	-1.26%	4.04%	12.53%	7.17%	59.61%	107.06%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.37%	0.94%	-1.66%	0.63%	18.10%	31.77%	160.71%	257.51%
Danh mục 24	0.22%	1.53%	-0.60%	-0.11%	10.91%	3.10%	63.13%	197.93%
Danh mục 21	0.03%	1.72%	-2.46%	1.14%	7.42%	-0.06%	40.28%	53.64%
Danh mục 19	-0.75%	0.49%	-2.66%	-0.48%	9.36%	2.85%	56.31%	117.09%
Danh mục 20	-1.12%	-0.24%	-2.32%	-2.61%	5.21%	6.38%	21.35%	177.20%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	-0.10%	0.99%	-1.64%	-2.43%	7.46%	-2.43%	54.51%	65.70%
VN30INDEX	-0.19%	1.46%	-2.52%	-3.86%	1.38%	-11.00%	41.48%	40.52%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

